TRƯỜNG CĐ CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC
KHOA: KHOA HỌC CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2023

TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2023- 2024 (Bậc Cao đẳng và Trung cấp)
DÙNG CHUNG CHO CÁC NGÀNH --- KHOÁ 21, 22, 23

STT	Mã LHP	Tên HP	Tên CBGD	Số Tiết	Số TC	Tháng 9				Tháng 10					Tháng 11				Tháng 12				01/2024	
						4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8
						10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14
						1	1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	DCC10022013 + DCC10022060	Pháp luật	Trương Thị Thanh Trúc	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI			
2	DCC10022014 + DCC10022088	Pháp luật	Trương Thị Thanh Trúc	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI			
3	DCC10022015 + DCC10022031	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI			
4	DCC10022016 + DCC10022042	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI			
5	DCC10022017 + DCC10022043	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI			
6	DCC10022018 + DCC10022089	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI			
7	DCC10022019	Pháp luật	Trương Thị Thanh Trúc	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI			
8	DCC10022022 + DCC10022069	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI			

9	DCC10022024 + DCC10022038	Pháp luật	Nguyễn Thùy Châu	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
10	DCC10022025 + DCC10022040	Pháp luật	Nguyễn Thùy Châu	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
11	DCC10022026 + DCC10022036	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
12	DCC10022027 + DCC10022075	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
13	DCC10022029 + DCC10022053	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
14	DCC10022030 + DCC10022085	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
15	DCC10022032+ DCC10022073	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
16	DCC10022033 + DCC10022052	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
17	DCC10022034 + DCC10022064	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
18	DCC10022035 + DCC10022083	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
19	DCC10022037 + DCC10022057	Pháp luật	Huỳnh Thiên Vũ	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
20	DCC10022039 + DCC10022058	Pháp luật	Huỳnh Thiên Vũ	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				

21	DCC10022041	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
22	DCC10022044	Pháp luật	Nguyễn Thùy Châu	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
23	DCC10022045 + DCC10022062	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
24	DCC10022046 + DCC10022072	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
25	DCC10022047 + DCC10022074	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
26	DCC10022048	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
27	DCC10022049 + DCC10022071	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
28	DCC10022054 + DCC10022079	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
29	DCC10022059	Pháp luật	Nguyễn Thùy Châu	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
30	DCC10022067 + DCC10022068	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
31	DCC10022070	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
32	DCC10022076	Pháp luật	Huỳnh Thiên Vũ	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
33	DCC10022077	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				

34	DCC10022078	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
35	DCC10022082 + DCC10022084	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
36	DCC10022086 + DCC10022087	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI				
37	DCC10028019	Giáo dục chính trị	Đinh Thị Bắc	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI	
38	DCC10028021	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI	
39	DCC10028022	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI	
40	DCC10028023	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI	
41	DCC10028024 + DCC10028032	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI	
42	DCC10028025	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI	
43	DCC10028026	Giáo dục chính trị	Lưu Thị Thu Hương	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI	
44	DCC10028029	Giáo dục chính trị	Đinh Thị Bắc	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI	
45	DCC10028030 + DCC10028060	Giáo dục chính trị	Trần Thị Kim Oanh	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI	
46	DCC10028031	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI	
47	DCC10028033 +DCC10028034 + DCC10028045	Giáo dục chính trị	Vũ Thị Thu Huyền	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI	

48	DCC10028035	Giáo dục chính trị	Trần Thị Kim Oanh	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
49	DCC10028038 + DCC10028039	Giáo dục chính trị	Trần Dương Phương Anh	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
50	DCC10028040	Giáo dục chính trị	Vũ Thị Thu Huyền	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
51	DCC10028041	Giáo dục chính trị	Lưu Thị Thu Hương	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
52	DCC10028042 + DCC10028058	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
53	DCC10028043	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
54	DCC10028047	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
55	DCC10028049 + DCC10028050	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
56	DCC10028053	Giáo dục chính trị	Trần Thị Kim Oanh	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
57	DCC10028054	Giáo dục chính trị	Trần Dương Phương Anh	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
58	DCC10028055	Giáo dục chính trị	Trần Thị Kim Oanh	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
59	DCC10028061	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
60	DCC10028063	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	75	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI

61	DCC10029006	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	75	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
62	DCC10029009	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Lâm Văn Vũ	75	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
63	DCC10029010	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Lâm Văn Vũ	75	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
64	DCC10029011+DCC10005301	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Văn Quang	75	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
65	DCC10029012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	75	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
66	DCC10029014	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	75	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
67	DCC10029015	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Văn Quang	75	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
68	DCC10029018	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Lâm Văn Vũ	75	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
69	DCC10029019	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Lâm Văn Vũ	75	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
70	DCC10029020	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Văn Quang	75	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
71	DCC10029048	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Lâm Văn Vũ	75	3	32	43																	
							THI																	
72	DCC10029049	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Đặng Sỹ Thuyết	75	3	32	43																	

							THI																	
73	DCC10029050	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	75	3	32	43																	
							THI																	
74	DCC10029053	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	75	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
75	DCC10029054	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Văn Quang	75	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	THI	THI
76	DCK10001002 + DCK10001004	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI			
								1	2	3	4	5	6	7	8	9	10							
77	DCK10001003	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI			
78	DCK10001004	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			THI	THI			
79	DCK100031100	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Phi Phụng	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
80	DCK100031101	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Phi Phụng	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
81	DCK100031102	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
82	DCK100031104	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
83	DCK100031106	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
84	DCK100031109	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		

85	DCK100031110 + DCK10003151	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
86	DCK100031111	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
87	DCK100031112	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
88	DCK100031113	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
89	DCK100031114	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
90	DCK100031115	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
91	DCK100031116	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
92	DCK100031117	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
93	DCK100031118	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
94	DCK100031119	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
95	DCK100031121	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
96	DCK100031123	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		

97	DCK100031124	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Phi Phụng	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
98	DCK100031125	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
99	DCK100031126	Giáo dục thể chất 1	Phan Minh Chí	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
100	DCK100031127	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Phi Phụng	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
101	DCK100031128 + DCK100031129	Giáo dục thể chất 1	Trương Quang Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
102	DCK100031130	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
103	DCK100031131 (TT12)	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
104	DCK10003125	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
105	DCK10003126	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
106	DCK10003127	Giáo dục thể chất 1	Huỳnh Minh Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
107	DCK10003128	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
108	DCK10003129	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
109	DCK10003130	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
110	DCK10003133	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		

111	DCK10003134	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
112	DCK10003135	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Phi Phụng	28	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
113	DCK10003136	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
114	DCK10003137	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Phi Phụng	28	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
115	DCK10003138	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Phi Phụng	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
116	DCK10003139	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
117	DCK10003140	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Phi Phụng	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
118	DCK10003141	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
119	DCK10003142 + DCK10003153+ DCK10003141	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
120	DCK10003143	Giáo dục thể chất 1	Huỳnh Minh Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
121	DCK10003146 + DCK10003147	Giáo dục thể chất 1	Trương Quang Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
122	DCK10003148	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
123	DCK10003149	Giáo dục thể chất 1	Huỳnh Minh Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
124	DCK10003150	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		

125	DCK10003155	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
126	DCK10003156	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
127	DCK10003157	Giáo dục thể chất 1	Huỳnh Minh Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
128	DCK10003158	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
129	DCK10003160	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
130	DCK10003162	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
131	DCK10003163	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
132	DCK10003164 + DCK10003165	Giáo dục thể chất 1	Trương Quang Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
133	DCK10003165	Giáo dục thể chất 1	Trương Quang Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
134	DCK10003166	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
135	DCK10003167	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
136	DCK10003168	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
137	DCK10003169	Giáo dục thể chất 1	Trịnh Quốc Tuấn	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
138	DCK10003170	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		

139	DCK10003171	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
140	DCK10003172	Giáo dục thể chất 1	Huỳnh Minh Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
141	DCK10003173	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
142	DCK10003174	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
143	DCK10003175	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
144	DCK10003176	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
145	DCK10003177	Giáo dục thể chất 1	Huỳnh Minh Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
146	DCK10003178	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
147	DCK10003179	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
148	DCK10003180	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
149	DCK10003181	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
150	DCK10003182	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
151	DCK10003183	Giáo dục thể chất 1	Mai Thế Duy	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
152	DCK10003184	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
153	DCK10003187	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Đức Chánh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		

154	DCK10003188	Giáo dục thể chất 1	Huỳnh Minh Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
155	DCK10003189	Giáo dục thể chất 1	Phan Minh Chí	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
156	DCK10003192	Giáo dục thể chất 1	Lê Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
157	DCK10003193	Giáo dục thể chất 1	Trương Quang Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
158	DCK10003194	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
159	DCK10003197	Giáo dục thể chất 1	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
160	DCK10003199	Giáo dục thể chất 1	Huỳnh Minh Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
161	DCK10003201	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
162	DCK10003202	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
163	DCK10003203	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
164	DCK10003204	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
165	DCK10003205	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
166	DCK10003206	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
167	DCK10003207	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		
168	DCK10003208	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1			2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	THI	THI		

169	DCT40003002	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	15	1													3	3	3	3	3	THI	THI
170	DCT40003003	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	15	1													3	3	3	3	3	THI	THI
171	DCT40026001 + DCT40027001+ DCT40028001+ DCT40029001	Hóa học 1	Trần Ngọc Dũng	60	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5				THI	THI
172	DCT40036002	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	30	2			3	3	3	3	3	3	3	3	3	3						THI	THI
173	DCT40037001	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Đặng Sỹ Thuyết	45	2			5	5	5	5	5	5	5	5	5							THI	THI
174	DCT40039001 + DCT40015001 + DCT40016001 + DCT40017001	Ngữ văn 2	Võ Thanh Dũ	90	4			10	10	10	10	10	10	10	10	10							THI	THI
175	DCT40039002	Ngữ văn 2	Võ Thanh Dũ	90	4			10	10	10	10	10	10	10	10	10							THI	THI
176	DCT40042001 + DCT40019001+ DCT40020001+ DCT40021001	Toán 2	Vũ Thị Lệ Thủy	90	4			9	9	9	9	9	9	9	9	9	9						THI	THI
177	DCT40042002	Toán 2	Vũ Thị Lệ Thủy	90	4			5	5	5	5	5	5	5	5	5	10	10	10				THI	THI
178	DCT40045001 + DCT40023001+ DCT40024001+ DCT40025001	Vật lý 2	Phạm Đình Khải	60	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5				THI	THI
179	DCT40045002	Vật lý 2	Phạm Đình Khải	60	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5				THI	THI

180	**DCT40048001+DCT40031001**	Lịch sử 2	Lê Văn Trọng	60	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5				**THI**	**THI**
181	DCT40048002	Lịch sử 2	Lê Văn Trọng	60	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5				**THI**	**THI**
182	DCT40048003	Lịch sử 2	Lê Văn Trọng	60	3			5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5				**THI**	**THI**
183	**DCT40050001+DCT40033001**	Địa lý 1	Nguyễn Việt Hương	45	2			5	5	5	5	5	5	5	5	5							**THI**	**THI**

HIỆU TRƯỞNG **TRƯỞNG PHÒNG QLĐT** **TRƯỞNG KHOA**

Lưu Thị Thu Hương